

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

02-THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	02.01.06	Toán	20.500	Ba	12	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
2	02.01.07	Toán	17.500	K.Khích	11	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
3	02.01.08	Toán	14.500	K.Khích	12	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
4	02.01.10	Toán	15.500	K.Khích	12	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
5	02.01.11	Toán	17.000	K.Khích	10	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
6	02.01.13	Toán	15.000	K.Khích	11	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
7	02.01.15	Toán	20.500	Ba	12	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
8	02.01.17	Toán	14.000	K.Khích	11	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
9	02.01.18	Toán	16.500	K.Khích	11	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
10	02.01.20	Toán	24.000	Nhì	11	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
11	02.01.09	Toán	14.500	K.Khích	12	Trường THPT chuyên Lê Thánh Tông
12	02.01.14	Toán	14.500	K.Khích	12	Trường THPT chuyên Lê Thánh Tông
13	02.01.16	Toán	14.000	K.Khích	12	Trường THPT chuyên Lê Thánh Tông
14	02.01.04	Toán	16.500	K.Khích	11	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
15	02.01.12	Toán	17.500	K.Khích	11	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
16	02.01.02	Toán	14.000	K.Khích	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
17	02.01.03	Toán	25.500	Nhì	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
18	02.01.05	Toán	25.000	Nhì	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
19	02.02.01	Vật lí	25.000	Nhì	12	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
20	02.02.02	Vật lí	24.250	Nhì	12	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
21	02.02.03	Vật lí	21.500	Nhì	12	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
22	02.02.09	Vật lí	21.500	Nhì	12	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
23	02.02.12	Vật lí	14.250	K.Khích	12	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
24	02.02.13	Vật lí	16.500	Ba	12	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
25	02.02.18	Vật lí	18.500	Ba	12	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
26	02.02.20	Vật lí	13.000	K.Khích	12	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
27	02.02.11	Vật lí	12.750	K.Khích	12	Trường THPT Phan Châu Trinh
28	02.02.05	Vật lí	13.500	K.Khích	12	Trường THPT chuyên Lê Thánh Tông

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

02-THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
29	02.02.07	Vật lí	13.250	K.Khích	12	Trường THPT chuyên Lê Thánh Tông
30	02.02.08	Vật lí	11.500	K.Khích	12	Trường THPT chuyên Lê Thánh Tông
31	02.02.10	Vật lí	12.250	K.Khích	12	Trường THPT chuyên Lê Thánh Tông
32	02.02.19	Vật lí	13.750	K.Khích	12	Trường THPT chuyên Lê Thánh Tông
33	02.02.14	Vật lí	12.500	K.Khích	11	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
34	02.02.04	Vật lí	18.750	Nhì	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
35	02.02.16	Vật lí	16.250	Ba	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
36	02.02.17	Vật lí	19.750	Nhì	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
37	02.03.01	Hoá học	14.875	K.Khích	12	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
38	02.03.02	Hoá học	20.750	Ba	12	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
39	02.03.03	Hoá học	31.000	Nhất	12	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
40	02.03.04	Hoá học	21.250	Ba	12	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
41	02.03.05	Hoá học	16.125	K.Khích	11	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
42	02.03.09	Hoá học	25.125	Nhì	12	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
43	02.03.11	Hoá học	26.250	Nhì	11	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
44	02.03.13	Hoá học	21.000	Ba	11	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
45	02.03.17	Hoá học	24.750	Nhì	11	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
46	02.03.19	Hoá học	25.250	Nhì	11	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
47	02.03.10	Hoá học	14.375	K.Khích	12	Trường THPT chuyên Lê Thánh Tông
48	02.03.07	Hoá học	19.500	Ba	11	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
49	02.03.06	Hoá học	14.625	K.Khích	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
50	02.03.08	Hoá học	16.875	K.Khích	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
51	02.03.12	Hoá học	16.375	K.Khích	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
52	02.03.14	Hoá học	24.750	Nhì	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
53	02.04.01	Sinh học	20.250	K.Khích	11	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
54	02.04.02	Sinh học	24.250	Nhì	12	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
55	02.04.03	Sinh học	20.000	K.Khích	11	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
56	02.04.04	Sinh học	21.750	Ba	12	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

02-THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
57	02.04.06	Sinh học	22.250	Ba	11	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
58	02.04.08	Sinh học	20.500	Ba	11	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
59	02.04.12	Sinh học	20.500	Ba	12	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
60	02.04.14	Sinh học	20.000	K.Khích	12	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
61	02.04.16	Sinh học	18.250	K.Khích	11	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
62	02.04.18	Sinh học	20.500	Ba	12	Trường THPT Phan Châu Trinh
63	02.04.07	Sinh học	23.250	Nhì	11	Trường THPT chuyên Lê Thánh Tông
64	02.04.17	Sinh học	25.500	Nhì	12	Trường THPT chuyên Lê Thánh Tông
65	02.04.20	Sinh học	20.500	Ba	11	Trường THPT chuyên Lê Thánh Tông
66	02.04.10	Sinh học	19.500	K.Khích	11	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
67	02.04.11	Sinh học	20.750	Ba	11	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
68	02.04.09	Sinh học	22.000	Ba	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
69	02.04.13	Sinh học	18.750	K.Khích	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
70	02.05.01	Tin học	20.590	Nhì	10	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
71	02.05.03	Tin học	24.447	Nhì	12	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
72	02.05.09	Tin học	25.320	Nhì	11	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
73	02.05.10	Tin học	27.404	Nhất	12	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
74	02.05.17	Tin học	18.822	Ba	11	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
75	02.05.15	Tin học	18.250	Ba	12	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
76	02.05.14	Tin học	19.550	Ba	12	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
77	02.05.19	Tin học	17.310	Ba	11	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
78	02.05.05	Tin học	17.970	Ba	11	Trường THPT Phan Châu Trinh
79	02.05.04	Tin học	12.860	K.Khích	12	Trường THPT Thái Phiên
80	02.05.06	Tin học	23.890	Nhì	12	Trường THPT chuyên Lê Thánh Tông
81	02.05.08	Tin học	13.630	K.Khích	11	Trường THPT chuyên Lê Thánh Tông
82	02.05.12	Tin học	16.526	K.Khích	12	Trường THPT chuyên Lê Thánh Tông
83	02.05.18	Tin học	19.357	Ba	11	Trường THPT chuyên Lê Thánh Tông
84	02.05.13	Tin học	25.317	Nhì	11	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

02-THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
85	02.05.20	Tin học	24.944	Nhì	11	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
86	02.05.02	Tin học	16.190	K.Khích	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
87	02.05.07	Tin học	17.280	Ba	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
88	02.06.01	Ngữ văn	14.000	Nhì	11	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
89	02.06.03	Ngữ văn	13.500	Nhì	11	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
90	02.06.04	Ngữ văn	12.500	K.Khích	12	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
91	02.06.06	Ngữ văn	12.750	Ba	11	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
92	02.06.07	Ngữ văn	13.500	Nhì	11	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
93	02.06.08	Ngữ văn	13.000	Ba	11	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
94	02.06.17	Ngữ văn	13.000	Ba	11	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
95	02.06.15	Ngữ văn	12.500	K.Khích	11	Trường THPT chuyên Lê Thánh Tông
96	02.06.18	Ngữ văn	12.750	Ba	11	Trường THPT chuyên Lê Thánh Tông
97	02.06.20	Ngữ văn	13.750	Nhì	12	Trường THPT chuyên Lê Thánh Tông
98	02.06.13	Ngữ văn	12.500	K.Khích	11	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
99	02.06.05	Ngữ văn	13.500	Nhì	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
100	02.06.09	Ngữ văn	13.500	Nhì	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
101	02.06.11	Ngữ văn	12.500	K.Khích	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
102	02.06.12	Ngữ văn	12.500	K.Khích	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
103	02.07.02	Lịch sử	16.250	Nhì	10	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
104	02.07.04	Lịch sử	14.750	K.Khích	12	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
105	02.07.11	Lịch sử	15.750	Ba	12	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
106	02.07.17	Lịch sử	16.750	Nhì	12	Trường THPT Phan Châu Trinh
107	02.07.10	Lịch sử	14.750	K.Khích	12	Trường THPT Thái Phiên
108	02.07.12	Lịch sử	14.250	K.Khích	11	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
109	02.07.13	Lịch sử	15.250	Ba	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
110	02.07.15	Lịch sử	14.750	K.Khích	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
111	02.07.16	Lịch sử	14.500	K.Khích	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
112	02.08.04	Địa lí	14.250	Ba	12	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

02-THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
113	02.08.06	Địa lí	15.000	Ba	11	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
114	02.08.07	Địa lí	15.500	Nhì	12	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
115	02.08.08	Địa lí	15.250	Nhì	12	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
116	02.08.10	Địa lí	15.500	Nhì	11	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
117	02.08.12	Địa lí	13.000	K.Khích	11	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
118	02.08.16	Địa lí	14.500	Ba	12	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
119	02.08.13	Địa lí	13.000	K.Khích	11	Trường THPT chuyên Lê Thánh Tông
120	02.08.18	Địa lí	14.000	K.Khích	11	Trường THPT chuyên Lê Thánh Tông
121	02.08.19	Địa lí	14.500	Ba	12	Trường THPT chuyên Lê Thánh Tông
122	02.08.20	Địa lí	13.500	K.Khích	11	Trường THPT chuyên Lê Thánh Tông
123	02.08.09	Địa lí	13.750	K.Khích	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
124	02.08.14	Địa lí	14.500	Ba	12	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm

Danh sách này gồm 124 thí sinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

02-THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm đọc	Điểm nói	Tổng Điểm	Giải	Trường (THPT)
1	02.09.01	Tiếng Anh	3.80	3.20	5	1.70	13.700	Ba	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
2	02.09.04	Tiếng Anh	3.80	3.90	5.30	1.30	14.300	Ba	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
3	02.09.05	Tiếng Anh	3.60	4.30	5.20	1.30	14.400	Ba	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
4	02.09.06	Tiếng Anh	3.40	3.30	5.10	1.30	13.100	K.Khích	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
5	02.09.11	Tiếng Anh	4	4.70	5.70	1.40	15.800	Nhất	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
6	02.09.14	Tiếng Anh	3.90	3.90	5.60	1.70	15.100	Nhì	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
7	02.09.16	Tiếng Anh	3.60	3.50	5	1.60	13.700	Ba	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
8	02.09.10	Tiếng Anh	3.50	3.80	5.10	1.20	13.600	K.Khích	Trường THPT Phan Châu Trinh
9	02.09.09	Tiếng Anh	3.60	3	4.90	1.50	13.000	K.Khích	Trường THPT chuyên Lê Thánh Tông
10	02.09.18	Tiếng Anh	3.50	3.80	6.10	1.40	14.800	Nhì	Trường THPT chuyên Lê Thánh Tông
11	02.09.15	Tiếng Anh	3.60	3.80	6.20	1.40	15.000	Nhì	Trường THPT chuyên Lê Thánh Tông
12	02.09.17	Tiếng Anh	3.40	3.80	4.50	1.60	13.300	K.Khích	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
13	02.09.20	Tiếng Anh	3.30	3	5.10	1.50	12.900	K.Khích	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
14	02.11.03	Tiếng Pháp	5.45	1.50	2.50	1.525	10.975	K.Khích	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
15	02.11.04	Tiếng Pháp	6.40	3	3.20	1.325	13.925	Nhì	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
16	02.11.07	Tiếng Pháp	4.85	2	2.70	1.2	10.750	K.Khích	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
17	02.13.01	Tiếng Nhật	4.45	3.65	6.35	1.15	15.600	Nhì	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

02-THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm đọc	Điểm nói	Tổng Điểm	Giải	Trường (THPT)
18	02.13.02	Tiếng Nhật	3	3	4.25	1.3	11.550	K.Khích	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
19	02.13.03	Tiếng Nhật	3.60	3.40	4.30	1.25	12.550	Ba	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
20	02.13.05	Tiếng Nhật	2.70	2.55	4.60	1.4	11.250	K.Khích	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
21	02.13.07	Tiếng Nhật	2.20	3.30	4.10	1.15	10.750	K.Khích	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
22	02.13.09	Tiếng Nhật	3.20	4.50	6.75	1.4	15.850	Nhì	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn

Danh sách này gồm 22 thí sinh